

Bản án số: **34/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 14/02/2025

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Lý Đình Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2025 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

HKTT: thôn Tranh, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang

Nơi ở: thôn Nội, xã Thượng Đức, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

**\* Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

HKTT: thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang ở tại: R, 178-4 S, D, D, Hàn Quốc

Người đại diện nhận văn bản tố tụng: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn M, xã N, huyện L, tỉnh hBắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau ngày 03/01/2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Năm 2018 chị sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc. Đến năm 2021 anh T cũng sang Hàn Quốc sinh

sống nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau. Đầu năm 2024 chị đã về Việt Nam sinh sống. Hiện nay giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Phạm Văn T được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia L, sinh ngày 18/02/2014. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị tại TP Hà Nội. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Gia L cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: đề nghị anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đồng/ tháng kể từ khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Phạm Văn T có văn bản trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị H kết hôn với nhau ngày 03/01/2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L. Đến năm 2023 anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay giữa anh và chị H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Hiện nay giữa anh và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân với nhau. Vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia L, sinh ngày 18/02/2014. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị H. Khi ly hôn anh đồng ý để cháu L cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn anh đồng ý cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu L cho chị H 5.000.000 đồng / 1 tháng.

- Về tài sản chung và công nợ: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Tòa án đã làm việc với cháu L, cháu trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5

và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử:

Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia L cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị H mức 5.000.000đồng / 1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 14/02/2025 cho đến khi con chung khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, trách nhiệm nuôi con chung với anh Phạm Văn T. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án do anh T đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị H, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau ngày 03/01/2013 tại UBND xã V, huyện L, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh T. Xem xét đơn khởi kiện của chị H, HĐXX thấy: chị H xác định hiện nay vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân với nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T cũng có ý kiến trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và đồng ý ly hôn với chị H. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[4]. Về con chung: chị H và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Gia L, sinh ngày 18/02/2014. Hiện nay cháu L đang sinh sống cùng chị H. Khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu L, anh T có văn bản đồng ý giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của cháu L cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu L cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh T đều thống nhất việc anh T cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 5.000.000đồng. Xét yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu L mức 5.000.000đồng / 1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 14/02/2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị H không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và buộc anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 117, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia L, sinh ngày 18/02/2014 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi cháu L cho chị Trần Thị H mức 5.000.000đồng / 1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 14/02/2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000327 ngày 15/01/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Phạm Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Trần Thị H cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Vô Tranh, huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Hải Hương**